



**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

TP.HCM, tháng 10 năm 2019

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

1. Giới thiệu doanh nghiệp

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: **KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **KIS**
- Vốn điều lệ: 1.897.011.000.000 đồng
- Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà TNR, số 180 – 192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-24) 3914 8585 Fax: (84-24) 3821 6898
- Email: info@kisvn.vn
- Website: www.kisvn.vn
- Giấy phép HĐKD số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 05/07/2007 và Giấy phép điều chỉnh lần thứ 10 số 42/GPĐC-UBCK do UBCLNN cấp ngày 11/06/2018)
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Môi giới chứng khoán,
 - + Tự doanh chứng khoán,
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán,
 - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán,
 - + Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, Công ty cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất:

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|--|-------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1. Vốn chủ sở hữu | Triệu đồng | 1.110.634 | 1.113.036 | 1.966.462 | 2.023.957 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 31.825 | 2.402 | 69.181 | 57.495 |
| 3. Khả năng thanh toán | | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn | Lần | 2,25 | 1,82 | 3,74 | 2,31 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) Tổng nợ ngắn hạn | Lần | 2,25 | 1,82 | 3,74 | 2,31 |
| 4. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | | |
| + Nợ phải trả/Tổng tài sản | % | 43,74% | 53,71% | 26,15% | 42,47% |
| + Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,78 | 1,16 | 0,35 | 0,74 |
| 5. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | | |

| | | | | | |
|--|------|--------|-------|--------|--------|
| + Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần Tài sản lưu động bình quân | Vòng | 0,14 | 0,09 | 0,12 | 0,06 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | % | 13,72% | 9,33% | 11,79% | 5,42% |
| 6. Tỷ suất sinh lời | | | | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 11,90% | 1,18% | 23,16% | 34,35% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 2,87% | 0,22% | 3,52% | 2,84% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 1,61% | 0,10% | 2,60% | 1,63% |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Doanh thu thuần | % | 14,72% | 3,32% | 29,23% | 43,06% |

Các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của Pháp luật:

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 | Quy định |
|--|-----|------------|------------|------------|------------|----------------------|
| Tỷ lệ an toàn tài chính | % | 410 | 450 | 853 | 783 | Trên 180% |
| Tỷ lệ tổng nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,78 | 1,16 | 0,35 | 0,74 | Không vượt quá 3 lần |
| Nợ ngắn hạn/Tài sản ngắn hạn | Lần | 0,44 | 0,55 | 0,27 | 0,43 | Tối đa bằng 1 |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định/Tổng tài sản | % | 0,50% | 0,50% | 1,15% | 0,82% | Không vượt quá 50% |
| Giá trị đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết/Vốn chủ sở hữu | % | 1,22% | 1,22% | 0,69% | 1,24% | Không vượt quá 20% |

3. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty chủ động thanh toán đầy đủ và đúng các khoản nợ đến hạn, không có khoản nợ nào quá hạn phát sinh được ghi nhận theo BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018. Trong 3 năm gần nhất, Công ty không có các khoản nợ phát sinh từ phát hành trái phiếu.

Số dư các khoản mục Nợ phải trả tại ngày 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/12/2018, như sau:

(đơn vị tính: Triệu đồng)

| | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|----------|---|----------------|------------------|----------------|------------------|
| A | Nợ phải trả | 863.317 | 1.291.695 | 696.277 | 1.494.372 |
| I | Nợ ngắn hạn | 863.317 | 1.291.695 | 696.277 | 1.494.372 |
| 1 | Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 798.000 | 1.106.701 | 490.100 | 1.317.500 |
| 1.1 | Vay ngắn hạn | 798.000 | 1.106.701 | 490.100 | 490.100 |
| 1.2 | Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | - | - | - | - |
| 2 | Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 56.906 | 171.507 | 185.839 | 143.907 |

| | | | | | |
|-----------|--|-------|-------|-------|--------|
| 4 | Phải trả người bán ngắn hạn | - | - | 1.641 | 1.471 |
| 5 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 247 | 82 | 135 | 88 |
| 6 | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 1.865 | 3.411 | 6.826 | 11.197 |
| 7 | Phải trả người lao động | - | - | 5.684 | 834 |
| 8 | Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 157 | 189 | 40 | 206 |
| 9 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 6.121 | 9.767 | 6.002 | 19.155 |
| 10 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 21 | 38 | 10 | 14 |
| II | Nợ dài hạn | - | - | - | - |

(Nguồn: báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, 2018 và báo cáo soát xét 30/06/2019 của KIS Việt Nam)

4. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm 2018:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

– Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2018:

“Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được lập và trình bày phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.”

II. Mục đích phát hành trái phiếu:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán khoảng 100 tỷ đồng, sẽ được cân đối sử dụng cho các hoạt động môi giới, giao dịch ký quỹ, tự doanh/bảo lãnh phát hành, tham gia hoạt động thị trường trái phiếu, tùy theo điều kiện thị trường để đảm bảo mục tiêu sử dụng vốn đạt hiệu quả.

III. Cơ sở pháp lý

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 26/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung Luật chứng khoán; nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;
- Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ về Quy định phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, hiệu lực ngày 01/01/2016;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

2. Điều kiện phát hành trái phiếu riêng lẻ:

Theo quy định tại Điều 10, Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định phát hành trái phiếu Doanh nghiệp. Theo đó, điều kiện để phát hành trái phiếu được quy định như sau:

| STT | Điều kiện phát hành | Đáp ứng | Tài liệu chứng minh |
|-----|---|---------|--|
| 1 | Là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam | Đáp ứng | Giấy phép số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 05/07/2007 và Giấy phép điều chỉnh lần thứ 10 số 42/GPĐC-UBCK do UBCLNN cấp ngày 11/06/2018 |
| 2 | Có thời gian hoạt động tối thiểu từ 01 năm kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật | Đáp ứng | Giấy phép số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 05/07/2007 và Giấy phép điều chỉnh lần thứ 10 số 42/GPĐC-UBCK do UBCLNN cấp ngày 11/06/2018 |
| 3 | Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định | Đáp ứng | Được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) |
| 4 | Đảm bảo tuân thủ giới hạn về số lượng nhà đầu tư khi phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định | Đáp ứng | Công ty cam kết tuân thủ giới hạn về số lượng nhà đầu tư khi phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định |
| 5 | Phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận theo quy định | Đáp ứng | Phương án phát hành trái phiếu được Hội đồng quản trị thông qua theo Quy định tại khoản 2 điều 14, nghị định 163 ngày 04 tháng 12 năm 2018 |
| 6 | Thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có) | Đáp ứng | Trong 03 năm liền kề trước đợt phát hành trái phiếu lần này, KIS Việt Nam chưa từng phát sinh các khoản nợ vay từ trái phiếu |
| 7 | Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành | Đáp ứng | KIS Việt Nam cam kết đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn và các hạn chế khác về bảo đảm an toàn hoạt động đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại pháp luật chứng khoán |

3. Thẩm quyền phê duyệt phát hành trái phiếu:

- Theo điểm a khoản 2 điều 14, nghị định 163 ngày 04 tháng 12 năm 2018, Cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu lần này của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam là Hội đồng quản trị, căn cứ theo điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

4. Phương thức phát hành:

Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 Nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hình thức chào bán trực tiếp cho Nhà đầu tư.

5. Quy định về đăng ký, lưu ký trái phiếu:

Điều 16, Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 quy định về việc đăng ký, lưu ký trái phiếu như sau:

- Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc đợt phát hành, trái phiếu doanh nghiệp phải được đăng ký, lưu ký tại tổ chức lưu ký được phép để quản lý số lượng nhà đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018. Mỗi loại trái phiếu doanh nghiệp chỉ được đăng ký tại một tổ chức lưu ký được phép.
- Tổ chức lưu ký chỉ xác nhận quyền sở hữu trái phiếu khi giao dịch đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018.
- Tổ chức lưu ký có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu cho Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018.

6. Trình tự thực hiện:

| Bước thực hiện | Nội dung thực hiện |
|----------------|---|
| 1 | Xây dựng phương án phát hành |
| 2 | Cấp có thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu chi tiết |
| 3 | Công bố thông tin trước khi thực hiện phát hành theo quy định Luật chứng khoán và quy định về phát hành trái phiếu. |
| 4 | Thông báo phát hành trái phiếu Doanh nghiệp cho Sở giao dịch chứng khoán |
| 5 | Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua trái phiếu |
| 6 | Tổng hợp và báo cáo kết quả phát hành cho Sở giao dịch chứng khoán |
| 7 | Thực hiện lưu ký trái phiếu theo quy định tại KIS Việt Nam |

IV. Phương án phát hành trái phiếu:

- Tổ chức phát hành: : Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
- Loại trái phiếu chào bán: : Trái phiếu không chuyển đổi không có tài sản bảo đảm
- Tên trái phiếu: : Trái phiếu không chuyển đổi Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
- Mã trái phiếu: : KIS_BOND.100.2019
- Mệnh giá trái phiếu: : 100.000.000 đồng/trái phiếu

| | |
|---|---|
| Số lượng trái phiếu chào bán: | : 1.000 trái phiếu |
| Tổng giá trị trái phiếu chào bán: | : 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng |
| Giá chào bán: | : 100% mệnh giá |
| Địa điểm phát hành | : Trong nước |
| Kỳ hạn (ngày đáo hạn) | : 12 tháng kể từ ngày phát hành Trái Phiếu |
| Loại tiền tệ phát hành: | : Đồng Việt Nam |
| Hình thức Trái phiếu: | : Ghi sổ |
| Phương thức chào bán: | : Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 Nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hình thức chào bán trực tiếp cho Nhà đầu tư. |
| Đối tượng chào bán: | : Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và các tổ chức, cá nhân nước ngoài. |
| Thời gian phát hành: | : Trong năm 2019, sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý theo quy định. |
| Thanh toán gốc và lãi Trái phiếu: | : - Tiền gốc Trái phiếu sẽ được thanh toán một lần khi đáo hạn. - Tiền lãi Trái phiếu sẽ được thanh toán theo kỳ tính lãi. |
| Kỳ tính lãi: | : Tiền lãi sẽ được thanh toán định kỳ 06 tháng/lần kể từ ngày phát hành, đợt cuối cũng là ngày đến hạn trái phiếu. |
| Lãi suất: | : Lãi suất cố định, tối đa không quá 8,2%/năm cho đến ngày đáo hạn Trái phiếu.. |
| Chuyển nhượng trái phiếu: | : Trái phiếu chỉ được giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp. |
| Mua lại trái phiếu trước hạn: | : Không thực hiện |
| Quyền lợi của người sở hữu trái phiếu: | : - Được Tổ chức phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn. - Được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu và sử dụng trái phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật. |
| Cam kết thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức phát hành: | : - Bảo đảm người sở hữu trái phiếu được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo Trái phiếu; - Có trách nhiệm thực hiện thanh toán chính xác, đúng hạn nợ gốc và lãi trái phiếu theo quy định. - Công bố thông tin đầy đủ và đúng theo các quy định có liên quan. |
| Địa điểm phát hành và thanh toán Gốc, lãi trái phiếu: | : Công ty Cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam; Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà TNR, số 180 – 192 Nguyễn Công Trứ, Phường |

Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Đăng ký, lưu ký Trái phiếu : Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc đợt phát hành, trái phiếu doanh nghiệp phải được đăng ký, lưu ký tại tổ chức lưu ký được phép để quản lý số lượng nhà đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018.

Luật điều chỉnh: : Luật Việt Nam

Để đảm bảo sự thành công của đợt chào bán, Hội đồng quản trị giao quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Triển khai thực hiện việc chào bán theo phương án đã được phê duyệt sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định;
- Tìm kiếm và lựa chọn đối tượng chào bán, quyết định mức lãi suất cụ thể đối với từng Nhà đầu tư, lập phương án sử dụng tiền chi tiết thu được từ đợt chào bán có lợi nhất cho Công ty;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp, có lợi nhất để triển khai phương án chào bán, và hoàn tất các thủ tục liên quan để thực hiện phương án chào bán đã được HĐQT thông qua;
- Ký kết các hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến việc chào bán phù hợp với Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty.

V. Kế hoạch kinh doanh và bố trí nguồn trả nợ:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty:

a) Chiến lược chung 2019 với mục tiêu:

- + Thị phần: 3,10%
- + Tổng NV: 228 người (NV môi giới 150 người)

Trọng tâm thực hiện:

- + Tăng cường nhân lực và mở rộng mạng lưới kinh doanh;
- + Cải tiến sản phẩm và dịch vụ hiện có, phát triển sản phẩm mới;
- + Quản lý vay giao dịch ký quỹ (về hạn mức và mã chứng khoán);
- + Sản phẩm mới (phái sinh, trái phiếu);
- + Đẩy mạnh số lượng cộng tác viên.

b) Kế hoạch kinh doanh 2019:

(Đơn vị tiền: triệu đồng)

| Chỉ tiêu | | Thực hiện 2018 | Kế hoạch 2019 | % 2019/2018 |
|----------|---|-------------------|------------------|----------------|
| 1 | Doanh thu | 302.683 | 412.158 | 136,17% |
| | - Doanh thu môi giới chứng khoán | 120.919 | 174.594 | 144,39% |
| | - Doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp | 414 | 5.966 | 1441,06% |

| | | | | |
|----------|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| | - Doanh thu tự doanh | 1.340 | 26.596 | 1984,78% |
| | - Doanh thu khác | 180.009 | 205.002 | 113,88% |
| 2 | Chi phí hoạt động kinh doanh | 144.448 | 151.825 | 105,11% |
| 3 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 70.911 | 101.450 | 143,07% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 15 | 0 | 0,00% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 87.339 | 158.882 | 181,91% |
| 6 | Thuế | 18.435 | 31.776 | 172,37% |
| 7 | Thuế thu nhập hoãn lại | -277 | - | |
| 8 | Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế | 69.181 | 127.106 | 183,73% |

(Nguồn: nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2019 của KIS Việt nam)

2. Nguồn vốn thanh toán gốc và lãi:

- Tiền mặt của KIS Việt Nam tại thời điểm thanh toán gốc và phiếu lãi;
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh;
- Các nguồn hợp pháp khác.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HĐQT

